

Bản án số: 465/2019/DS-PT

Ngày: 08 - 10-2019

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Hà Văn Hùng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Toà
án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm
công khai vụ án dân sự thụ lý số 507/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018
về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của
Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 437/2019/QĐ-PT ngày 25
tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

- Luật sư Phan Văn C – Văn phòng luật sư Phan Anh C – Đoàn luật sư tỉnh
Đắk Nông. (có mặt)

Địa chỉ: thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Luật sư Nguyễn Huy H, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

Địa chỉ: Chi nhánh Công ty TNHH hai thành viên B tại tỉnh Đắk Lắk. thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Phạm Thị K (có mặt) và ông Phạm Văn L (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị K: Bà Bùi Thị X (vắng mặt) và ông Hoàng Ngọc T – Trợ giúp viên pháp lý. Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông. (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện Đắk S :

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Viết S – Phó Chủ tịch (vắng mặt)

2/ Ông Phạm Văn T1. (có mặt)

Địa chỉ: huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3/ Ông Lê Mạnh T2, sinh năm 1959 (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Bà Nguyễn Thị P.

Địa chỉ: xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Người làm chứng: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1969. (có mặt).

Địa chỉ: xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị P trình bày:

Năm 1992 bà Nguyễn Thị P khai hoang 01 thửa đất canh tác. Năm 1997 bà hợp đồng với Lâm trường Thuận An để trồng cao su, đến năm 2000 bà thanh lý hợp đồng và bà sử dụng thửa đất liên tục từ đó đến nay không có tranh chấp với ai năm 2006 đã được đo đạc thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 60. Tháng 4/2014 bà P xây nhà và cho con gái nuôi là Nguyễn Thị N sử dụng. Cuối năm 2014 bà Phạm Thị K cho rằng bà Plấn chiếm đất của bà K nên đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thuận Hạnh yêu cầu giải quyết tranh chấp. UBND xã Thuận Hạnh hòa giải không thành.

Tại Công văn số 37 ngày 13/11/2015 UBND huyện Đắk Song trả lời khiếu nại, không công nhận khiếu nại của bà Phạm Thị K.

Ngày 12/7/2016 bà K tiếp tục gửi đơn đến UBND huyện Đắk Song đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai. Sau khi kiểm tra, xác minh đơn của bà K UBND huyện Đắk Song đã ban hành QĐ số 427 ngày 14/4/2017 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phạm Thị K và bà Nguyễn Thị P, không công nhận đơn của bà

K, công nhận diện tích 155m² đất thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 32 tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song là của bà Nguyễn Thị P.

Ngày 09/6/2017 bà Phạm Thị K có đơn khiếu nại đối với QĐ số 427 đến UBND tỉnh Đắk Nông.

Ngày 14/7/2017 Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông đã xác minh, làm rõ một số nội dung đơn khiếu nại của bà K và đề nghị UBND huyện Đắk Song xem xét hủy bỏ quyết định 427/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của UBND huyện Đắk Song.

Ngày 04/8/2017 UBND huyện Đắk Song đã ban hành QĐ 1120/QĐ-UBND hủy bỏ QĐ số 427 ngày 14/4/2017 của UBND huyện Đắk Song.

Trong lúc các cấp đang giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị K thì ngày 10/8/2016 bà K làm đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp với bà P. Bà K cho rằng diện tích đất kê khai bà K khai hoang năm 2004, ngày 28/11/2016, UBND huyện Đắk Song ban hành QĐ số 972/QĐ-UBND cấp giấy chứng nhận QSD đất số CD 199797 tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 32, diện tích 448,5m² tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song cho hộ bà Phạm Thị K và ông Phạm Văn L.

Ngày 01/12/2017 bà Nguyễn Thị P có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai yêu cầu UBND xã Thuận Hạnh giải quyết, ngày 26/12/2017 UBND xã Thuận Hạnh đã mời bà Nguyễn Thị P và bà Phạm Thị K đến hòa giải nhưng không thành. Ngày 27/12/2017 UBND xã Thuận Hạnh đã có báo cáo số 268/BC-UBND yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp.

Việc kê khai gian dối của bà Phạm Thị K để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng trên thửa đất của bà P trái pháp luật. Bà P đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp và hủy giấy chứng nhận QSD đất số CD 199797 tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 32, diện tích 448,5m² tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song đã cấp cho hộ bà Phạm Thị K và ông Phạm Văn L để giao lại cho bà P quản lý, sử dụng.

Bị đơn - bà Phạm Thị K trình bày:

Nguồn gốc đất bà K khai hoang năm 1992 diện tích được 04 sào, chiều ngang mặt đường QL 14 là 60m, chiều sâu 70m, đất có tứ cận: một mặt giáp đất bà P, một mặt giáp rừng lồ ô, một mặt giáp đất Lâm trường Thuận An cũ nay là đồn 08, một mặt giáp QL 14. Thửa đất tọa lạc tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Quá trình sử dụng đất bà K trồng hoa màu, không có tranh chấp với ai.

Năm 2006 Nhà nước tổ chức đo đạc lại đất tại xã Thuận Hạnh nhưng do bà K bị bệnh chó dại cắn phải đi điều trị dài ngày nên không thể có mặt tại địa phương được vì thế trên bản đồ 60 thể hiện một bên là bà Nguyễn Thị P phần còn lại là đất của bà K không có tranh chấp. Năm 2010 UBND tỉnh Đắk Nông thu hồi đất của Lâm trường Thuận An cũ giao cho bộ đội biên phòng theo QĐ 903/QĐ-UBND trong đó có lấy 1 phần diện tích đất của bà K phía đuôi nhưng không bồi thường do

vậy chiều dài của đất của tôi ngắn lại chỉ còn khoảng 39m, chiều ngang khoảng 60m (tương ứng với 2340m²), bà K cắt cho bà T3 30m chiều ngang chiều dài 39m, phần còn lại 18m bà K sử dụng liên tục, ổn định.

Năm 2013 Nhà nước đo đạc và giải thửa cho dân, do các hộ dân nhận chồng chéo lên nhau, đất bà K chỉ còn khoảng 975m² (chiều ngang mặt đường QL 14 là 25m, dài 39m). Quá trình kê khai và nhận giải thửa ở thực địa đất bà K chỉ còn khoảng 702m² (chiều ngang 18m, chiều dài 39m) thửa đất số 3 tờ bản đồ số 32. Sau khi bà K đã kê khai, đo đạc ký giáp ranh và đề nghị UBND xã Thuận Hạnh và cấp có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất nhưng lúc này bà Plàm nhà lên đất của bà K nên dẫn đến tranh chấp. Bà K đã làm đơn lên xã và huyện yêu cầu giải quyết, bà P không đưa ra được chứng cứ chứng minh đất của bà (thửa đất số 21 đo năm 2006 và P không còn đất ở khu vực biển cấm này) do đó xã và huyện đã bỏ phần diện tích đất tranh chấp bà Pyêu cầu ra, không cấp cho bà K chờ kết quả giải quyết diện tích đất khoảng 253,5m² mà chỉ xét cấp cho bà K diện tích 448,5m² trên thửa đất số 3, tờ bản đồ số 32, tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song. Vì vậy nay bà P có đơn khởi kiện cho rằng bà K lấn chiếm đất và yêu cầu bà K trả lại đất cho bà Plà không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân huyện Đắk S do người đại diện trình bày:

Ngày 06/9/2016 UBND xã Thuận Hạnh có tờ trình số 74/TT-UBND về việc đề nghị cấp giấy CNQSD đất cho nhiều hộ gia đình trong đó có hộ gia đình bà Phạm Thị K và ông Phạm Văn L. Sau khi xem xét theo đề nghị Văn phòng ĐKQSD đất đã cung cấp thông tin địa chính đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 32 sang Chi cục thuế để bà Phạm Thị K và ông Phạm Văn L thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Ngày 22/11/2016 phòng TNMT huyện Đắk S có tờ trình số 784/TT-TNMT về việc cấp giấy CNQSD đất cho hộ gia đình bà Phạm Thị K và ông Phạm Văn L.

Ngày 28/11/2016 UBND huyện Đắk S ban hành QĐ số 972/QĐ-UBND cấp giấy CNQSD đất số CD 199797 cho hộ gia đình bà Phạm Thị K và ông Phạm Văn L thửa đất số 03, tờ bản đồ số 32, diện tích 448,5m² tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị K, ông Phạm Văn L là đúng thủ tục phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện Đắk Song, vì vậy UBND huyện Đắk Song đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Văn T1 trình bày:

Ông Phạm Văn T1 nhận sang nhượng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 32, diện tích 448,5m² tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song của bà Phạm Thị K. Quá trình sang nhượng hai bên viết giấy tay vào khoảng tháng 12 năm 2016 không có công chứng hoặc chứng thực, sau đó ông T1 tiến hành xây nhà, trong lúc đào móng xây

nhà thì có bà P ra tranh chấp. Vì vậy ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 264, Điều 266, Điều 271 BLTTDS 2015; Điều 166, Điều 179 của Luật đất đai năm 2013.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu khởi kiện về hủy giấy CNQSD đất đã cấp cho bà Phạm Thị K.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 6.235.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng bà P đã nộp, trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền 3.765.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng, được khấu trừ số tiền 600.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 20/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/11/2018, bà Nguyễn Thị P làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá đầy đủ các chứng cứ và quyết định đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Luật sư, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà P khai hoang đất năm 1992, năm 1998 bà P ký hợp đồng liên kết trồng, chăm sóc cây cao su với Lâm trường Thuận An, diện tích 7,9 ha. Năm 2000 thanh lý hợp đồng với Lâm trường Thuận An (BL 115 đến 119, 124, 125).

Quá trình sử dụng đất năm 2006 Nhà nước đo đạc giải thửa, xác định đất của bà Phụng tại thửa số 21 thuộc bản đồ số 60, nay là thửa số 02 tờ bản đồ số 32 do năm 2013, diện tích là 1.214m². Ngày 01/7/2016 bà P đã được UBND huyện Đắk Song cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 02 tờ bản đồ 32 diện tích 1.037,9m². Như vậy diện tích đất của bà P chỉ còn lại 177m².

Phần diện tích đất 177m² nêu trên bà P đã xây dựng căn nhà 50m² cho con gái nuôi là Phạm Thị N sử dụng thì bị bà Phạm Thị K cho rằng 177m² là đất của bà K nên bà K làm đơn tranh chấp, yêu cầu chính quyền giải quyết. Tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của UBND huyện Đắk S không công nhận đơn khiếu nại của bà K; công nhận QSDĐ cho bà P 177m² (BL 120 - 123). Bà K tiếp tục khiếu nại quyết định số 427/QĐ-UBND. Ngày 14/4/2017 UBND huyện Đắk S ban hành Quyết định 1120/QĐ-UBND hủy quyết định số 427/QĐ-UBND với lý do thẩm quyền giải quyết giữa bà K với bà P thuộc thẩm quyền của Tòa án và bà K xác định đang đợi Ủy ban chuyển vụ việc ra toà án để giải quyết.

[2.2] Về nguồn gốc đất của bà Phạm Thị K: Năm 1992 bà K cũng khai hoang đất tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song. Quá trình sử dụng đất, ngày 10/7/2010 bà K viết giấy xác nhận đất, bà P và nhiều người làm chứng xác nhận bà K sử dụng đất tại khu vực này là 25m theo quốc lộ 14 (BL 133, 134). Năm 2013 bà K nhờ cơ quan chuyên môn đo đạc xác định diện tích đất sử dụng là 746,8m² chiều rộng theo Quốc lộ 14 là 24,5m, chiều rộng phía sau 20,5m phía Tây giáp bà Nguyễn Thị P, phía Đông giáp ông Nguyễn Văn B1, ông B1, bà P là các hộ liền kề cùng ký biên bản. Sổ mục kê đất đai năm 2016 của xã Thuận Hạnh thể hiện bà K có 746,5m² đất. Sau khi bà Phụng làm nhà trên diện tích đất 177m² cho con nuôi thì bà K cho rằng có chồng lấn lên đất bà K nên bà K khiếu nại đối với bà P vụ việc đã được UBND huyện Đắk Song giải quyết như đã nêu trên. Phần diện tích đất không tranh chấp với bà P thì bà K tiến hành kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ. Ngày 28/11/2016 UBND huyện Đắk Song đã cấp GCNQSDĐ cho bà K thửa số 03 diện tích 448,5m². Diện tích đất bà P tranh chấp với bà K hiện nay chính là thửa đất số 03 diện tích 448,5m².

[2.3] Bà P cung cấp bản hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng để chứng minh có quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bản hợp đồng và biên bản thanh lý hợp

đồng không phải là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất. Hơn nữa, tại phiên toà phúc thẩm, bà P thừa nhận, khi Nông trường thanh lý hợp đồng với bà P thì không được cơ quan nào giao lại, mà một số hộ tự vào bao chiếm sử dụng trong đó có hộ bà T3. Lời trình bày này của bà P được bà T3 thừa nhận. Ngoài ra, bà P không cung cấp được chứng cứ nào khác làm căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của bà P.

[2.4] Trong đơn kháng cáo của bà P căn cứ vào biên bản xác minh thực địa nguồn gốc sử dụng đất theo đơn ngày 01/12/2017. Tuy nhiên, xét thấy đây chỉ là văn bản thể hiện lời trình bày cá nhân của bà P và bà K chứ không phải ý kiến của cán bộ địa chính xã Thuận Hạnh, huyện Đak Song. Bà P còn căn cứ vào Quyết định 427/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của UBND huyện Đak Song, nhưng quyết định này đã bị hủy bỏ bởi Quyết định 1120/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 nên không có căn cứ xem xét.

[2.5] Như vậy, có cơ sở xác định bà K không lấn chiếm đất của bà P. Toà án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà P.

[2.6] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy cần điều chỉnh một số nội dung trong phần quyết định của bản án sơ thẩm như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án bà P nộp 10.000.000đ tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nhưng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ chỉ hết 6.235.000đ, còn dư 3.765.000đ (BL 148, 149). Thực tế bà P nộp số tiền này tại Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp sơ thẩm đã trả lại cho bà P số tiền này rồi nên không cần tuyên nội dung “*trả lại cho bà Nguyễn Thị Phụng số tiền 3.765.000 đồng*” trong phần quyết định của bản án nữa (BL 264). Ngoài ra, đối với phần áp dụng các văn bản pháp luật phải ghi trước, sau đó mới tới nội dung các quyết định giải quyết vụ án, nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại ghi xen lẫn các nội dung với nhau trong phần quyết định. Do đó Hội đồng xét xử sửa về cách tuyên phần quyết định cho phù hợp với mẫu chung theo hướng dẫn của Toà án nhân dân tối cao.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Tại phiên toà phúc thẩm, bà P có yêu cầu xin được miễn án phí. Xét thấy, bà P là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản Điều 157, Điều 147, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

Căn cứ Điều 166, Điều 179 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P; sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu khởi kiện về hủy giấy CNQSD đất đã cấp cho bà Phạm Thị K.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P được miễn. Trả lại cho bà Phụng 600.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001195 ngày 20/4/2018 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001238 ngày 21/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

2.2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 6.235.000 đồng, bà Phụng đã nộp xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đắk Nông (1);
- VKSND tỉnh Đắk Nông (1);
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông (1);
- Đương sự (...);
- Lưu VP (3), HS (1), ĐTT (.....).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn MườiPhạm Trí Tuấn Vũ Ngọc Huynh